

**CÔNG TY TNHH NỘI THẤT KHÁCH SẠN VIỆT PHÁP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NỘI THẤT KHÁCH SẠN VIỆT PHÁP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET PHAP HOTEL FURNITURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET PHAP HOFU CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108603807

**3. Ngày thành lập:** 29/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5 Phố Nguyễn Chính, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0939806399

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                     | 1313        |
| 2.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                      | 1392        |
| 3.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động bán đấu giá )                                                                              | 4791        |
| 4.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4753        |
| 5.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                           | 4690        |
| 6.  | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                             | 4751        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                         | 9522        |
| 8.  | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                       | 9524        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại năm 2005) | 8299        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                              | 4330(Chính) |
| 11. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                               | 2396        |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                          | 4649        |
| 13. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                     | 1622        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                | 2220        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                       | 4322        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1312 |
| 17. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2393 |
| 18. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1610 |
| 19. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết : Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2599 |
| 20. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1391 |
| 21. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1629 |
| 22. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3100 |
| 23. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4641 |
| 24. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 25. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4773 |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4752 |
| 27. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7410 |
| 28. | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1311 |
| 29. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1393 |
| 30. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1621 |
| 31. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2392 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4329 |
| 33. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết : Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4610 |
| 34. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4784 |
| 35. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4663 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.900.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐÌNH THIỆU | Thôn Thượng Trang, Xã Liêm Phong, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam            | 8.910.000.000         | 90,000    | 035089001292                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN TIẾN QUỐC  | Xóm 3, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | 990.000.000           | 10,000    | 001089000267                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN QUỐC

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *07/01/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001089000267*

Ngày cấp: *08/03/2013*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC Về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 3, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm 3, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội